

Số: /QĐ-UBND

TP. Hưng Yên, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán vốn đầu tư công năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND thành phố về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách địa phương năm 2022;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 299/TTr-TCKH ngày 03/8/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán vốn đầu tư công năm 2022 của thành phố Hưng Yên chi tiết theo các biểu kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- Lưu VT, CVNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Phạm Quốc Hoàn

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
TỔNG CỘNG						445.757.315.368	370.140.871.557	83,04
A	Vốn Đối ứng cho các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ					47.626.159.249	36.345.454.014	76,31
A.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố					37.789.242.289	28.933.872.836	76,57
I	Dự án hoàn thành					2.560.510.000	2.560.510.000	100,00
	Lĩnh vực giao thông							
1	Đường trục xã Hùng Cường (Đoạn từ nhà ông Hoàng thôn Phụng Hoàng đến nhà bà Thắm thôn Cao Xá)	TPHY	1.840 m	2017-2020	2473/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	2.560.510.000	2.560.510.000	100,00
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022					35.228.732.289	26.373.362.836	74,86
	Lĩnh vực giao thông					0	0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục	Phường Hiến Nam	2.596 m	2016-2022	2349/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	18.491.582.841	13.607.524.417	73,59
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	930 m	2017-2022	1015/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	7.000.000.000	3.098.688.971	44,27
3	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	Xã Bảo Khê	893,7 m	2020-2023	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
4	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72, địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình Lê Như Hồ đến ngã ba Cu Tuế)	Xã Hồng Nam	2.026,0 m	2020-2023	1275/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.749,0 m	2020-2023	1063/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	2.000.000.000	1.930.000.000	96,50

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
6	Đường trục liên xã Hùng Cường - Phú Cường (đoạn từ ông Cự xã Hùng Cường đến nhà ông Mạnh xã Phú Cường)	Xã Hùng Cường, Phú Cường	2.333,0	m	2020-2023	2505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.737.149.448	3.737.149.448	100,00
A.2	Xí nghiệp KTCT thủy lợi TP						7.836.916.960	7.411.581.178	94,57
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2022						7.836.916.960	7.411.581.178	94,57
	Lĩnh vực khác						0		
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo	TPHY	Cống ngầm, đường, cây xanh		2011-2018	2062/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	7.836.916.960	7.411.581.178	94,57
A.3	Đổi ứng các công trình công trình do Ban QLDA Sở NN&PTNT tỉnh làm chủ đầu tư						2.000.000.000	0	0,00
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2021						2.000.000.000	0	0,00
	Lĩnh vực khác								
1	Bờ bao kênh xả tiêu trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	TPHY	2200	m	2020-2021	1882/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	2.000.000.000	0	0,00
B	Các dự án sử dụng nguồn ngân sách thành phố						116.873.840.751	81.455.464.266	69,70
B.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố						91.373.840.751	57.956.256.266	63,43
I	Dự án hoàn thành						6.846.662.199	6.846.662.199	100,00
	Lĩnh vực giao thông								
1	Đường Chùa Diêu giai đoạn II (đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên)	Phường An Tảo	480	m	2019-2021	2652/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH72 đoạn từ ngã ba Phương Cái đến giáp đình Lê Như Hồ	Xã Hồng Nam	2.008	m	2019-2021	2592/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	4.346.662.199	4.346.662.199	100,00
	Lĩnh vực giáo dục								
3	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành; hạng mục: Nhà lớp học	TPHY	18	phòng	2019-2021	1265/QĐ-UBND, 03/6/2019	1.500.000.000	1.500.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022						32.373.178.552	31.448.404.552	97,14
	Lĩnh vực giao thông								
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du	Phường Quang Trung	244	m	2020-2021	2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.000.000.000	830.000.000	83,00
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hung Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu	TPHY	1.502	m	2021-2023	3538/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
3	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng	500	m	2021-2023	3541/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	3.000.000.000	2.860.000.000	95,33
4	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CĐSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	Phường An Tảo	349	m	2019-2021	2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	0	0	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ Phố Ngô Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục)	Phường An Tảo	368	m	2019-2021	2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	0	0	
4	Xây dựng đường GTNT xã Trung Nghĩa, TP HY (Đoạn từ nhà ông Đãi thôn Đặng Cầu đến nhà ông Sỹ thôn Đào Đặng)	Xã Trung Nghĩa	970	m		1699/QĐ-UBND ngày 19/7/2013	1.500.000.000	1.500.000.000	100,00
	Lĩnh vực giáo dục								
5	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, sân chơi, các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và THCS Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh	3.432	m ²	2021-2023	3552/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật								
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trung Trắc, Trung Nhi, Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hưng Yên	TPHY	12.240	m ²	2021-2023	3542/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	1.500.000.000	1.500.000.000	100,00
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên	TPHY	9.500	m ²	2021-2023	3549/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
8	Cải tạo vỉa hè QL38 đoạn từ cầu Chợ Đầu đến hết địa phận thành phố	Xã Trung Nghĩa	1.500	m	2021-2023	3659/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	3.000.000.000	2.900.000.000	96,67

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Phường Hiến Nam	14.054	m2	2021-2023	833/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
10	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ Vòng xuyên Ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật	TPHY	7.466	m2	2021-2023	3661/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	3.000.000.000	2.700.000.000	90,00
11	Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1 - khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên	TPHY	19.400	m2	2021-2023	3554/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	1.800.000.000	1.800.000.000	100,00
12	Cải tạo hệ thống chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL.38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	TPHY	2.100	m	2020-2022	2435/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	610.328.000	610.328.000	100,00
13	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chuông, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.200	m	2020-2022	2306/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.100.000.000	1.100.000.000	100,00
Lĩnh vực văn hóa, thể thao									
14	Cải tạo khuôn viên nhà lưu niệm Bác Hồ	TPHY	1.900	m2	2021-2023	3553/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	2.000.000.000	1.910.226.000	95,51
15	Cải tạo vòng xuyên Chợ Gạo	TPHY	1.032	m2	2021-2023	1704/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	1.265.370.600	1.265.370.600	100,00
16	Cải tạo vòng xuyên ngân hàng Công Thương	TPHY	9.650	m2	2021-2023	1705/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	1.097.479.952	1.097.479.952	100,00
17	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa	TPHY	24.575	m2	2021-2023	1706/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	500.000.000	375.000.000	75,00
III	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2022						11.154.000.000	10.611.318.915	95,13
Lĩnh vực giao thông									
1	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (đoạn từ ĐH 72 đến ĐT 378)	Xã Hồng Nam	500	m	2018-2020	2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	2.000.000.000	1.813.976.915	90,70

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn Từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hanh)	Xã Quảng Châu	1.750	m	2021-2023	3664/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	3.000.000.000	2.800.000.000	93,33
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ quỹ tín dụng nhân dân xã Hồng Nam đến đường trục xã Phương Chiêu)	Xã Hồng Nam	600	m	2021-2023	3539/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	750.000.000	750.000.000	100,00
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyên Hãn)	Phường Lam Sơn	530	m	2021-2023	3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
5	Cải tạo, nâng cấp đường phía tây sông Điện Biên (đoạn từ cầu An Tảo đến đường Chùa Diều)	Phường An Tảo	700	m	2021-2023	3540/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2.404.000.000	2.247.342.000	93,48
IV	Dự án mới						41.000.000.000	9.049.870.600	22,07
	Lĩnh vực giao thông								
1	Cải tạo nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường	500	m	2021-2025	3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.500.000.000	730.800.000	29,23
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Nguyễn Thiện Thuật, Trung Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.280	m	2021-2025	3771/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.000.000.000	2.800.000.000	93,33
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến nghĩa trang; đoạn 2: Từ nhà ông Hưng, thôn Kệ Châu 2 đến đường trục xã)	Xã Phú Cường	900	m	2021-2025	3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.000.000.000	360.423.600	12,01
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật								
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	TPHY	17.540	m ²	2021-2025	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	4.000.000.000	170.000.000	4,25
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá	TPHY	5.672	m ²	2021-2025	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.000.000.000	0	0,00
6	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	TPHY	10.500	m ²	2021-2025	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	7.000.000.000	0	0,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
7	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	7.764	m2	2019-2022	2465/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
8	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	TPHY	HTKT		2021-2025	3776/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	4.000.000.000	580.000.000	14,50
Lĩnh vực giáo dục									
9	Trường mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	Xã Hồng Nam	6	phòng	2021-2025	3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.000.000.000	652.647.000	13,05
10	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành; hạng mục: Nhà học đa năng	TPHY	818	m2	2021-2023	2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	500.000.000	500.000.000	100,00
Lĩnh vực văn hóa, thể thao									
11	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	TPHY	2,4	ha	2021-2025	3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	4.000.000.000	256.000.000	6,40
B.2	Hạt Giao thông thành phố						6.000.000.000	5.109.389.000	85,16
I	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2022						5.000.000.000	5.000.000.000	100,00
Lĩnh vực giao thông									
1	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông xã Hùng Cường (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng thôn Phụng Hoàng đến đê bồi; Đoạn 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Quyền thôn Phụng Hoàng)	Xã Hùng Cường	1.250	m	2021-2025	3518/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu (đoạn từ dốc Vị đến chợ Vị cũ)	Xã Phương Chiểu	800	m	2021-2025	3530/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
II	Dự án mới						1.000.000.000	109.389.000	10,94
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ đường Chùa Chuông - Chu Mạnh Trinh	TPHY	305	m	2021-2025	2898/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1.000.000.000	109.389.000	10,94
B.3	Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên						2.500.000.000	2.500.000.000	100,00
I	Dự án hoàn thành						2.500.000.000	2.500.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
1	Lắp đặt đèn trồng hoa trang trí cảnh quan công viên Hồ Bán Nguyệt phục vụ các hoạt động kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/02/2020) và chào mừng Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng	TPHY	Công trình điện	2019-2021	2307/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.500.000.000	1.500.000.000	100,00
2	Cải tạo, sửa chữa, thay thế các cột đèn chiếu pha 11-30m và chiếu sáng kiến trúc trên địa bàn thành phố Hưng Yên	TPHY	Công trình điện	2019-2021	2308/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
B.4	Phòng Quản lý đô thị thành phố					7.000.000.000	5.889.819.000	84,14
I	Dự án hoàn thành					5.000.000.000	4.810.128.000	96,20
1	Xây dựng trường THCS Nguyễn Quốc Ân	TPHY	935 m ²	2018-2020	1192/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	5.000.000.000	4.810.128.000	96,20
II	Dự án mới					2.000.000.000	1.079.691.000	53,98
1	Xây dựng, lắp đặt máy tập tại các công viên khu vực trung tâm	TPHY	200 bộ	2021-2025	3779/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	2.000.000.000	1.079.691.000	53,98
B.5	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố					6.000.000.000	6.000.000.000	100,00
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022					4.000.000.000	4.000.000.000	100,00
1	Kiên cố hóa kênh dẫn trạm bơm An Vũ đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tô Hiệu	TPHY	56,5 m	2021-2023	Số 1787/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
2	Cải tạo, nâng cấp sông Tân An	Xã Trung Nghĩa	1.500 m	2021-2023	Số 3389/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
II	Dự án mới					2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
1	Nạo vét sông Điện Biên đoạn từ trạm bơm An Vũ đến cầu Xóm Đông	Phường Hiến Nam, TP Hưng Yên	250 m	2022-2025	Số 2682/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	500.000.000	500.000.000	100,00
2	Kiên cố hóa tuyến kênh ông Điền - Trạm bơm Hồng Nam	Xã Hồng Nam	265 m	2021-2025	Số 2087/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	1.500.000.000	1.500.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
B.6	Phòng Kinh tế thành phố						4.000.000.000	4.000.000.000	100,00
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022						4.000.000.000	4.000.000.000	100,00
1	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	TPHY	2.600	m	2021-2023	Số 3527/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
2	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Trần Hưng Đạo và triền đê Bảo Khê	TPHY	2.300	m	2021-2023	Số 3526/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
C	Kinh phí đối trừ GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới do UBND thành phố và UBND phường, xã làm chủ đầu tư (được đối trừ cụ thể các dự án sau khi có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh)						80.092.873.235	71.339.451.810	89,07
C.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố						62.729.970.235	61.443.890.370	97,95
1	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hồ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Lam Sơn	3,14	ha	2019-2021	1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	25.266.894.000	24.717.326.500	97,82
2	Xây dựng KDC mới Tỉnh Linh xã Trung Nghĩa	Trung Nghĩa	2,99	ha	2020-2022	QĐ DA số 644/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	34.998.910.000	34.717.166.770	99,19
3	Xây dựng KDC mới xã Phương Chiểu	Phương Chiểu	1,81	ha	2019-2021	497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	2.464.166.235	2.009.397.100	81,54
C.2	Hạt Giao thông thành phố						17.362.903.000	9.895.561.440	56,99
1	Khu dân cư mới xã Bảo Khê	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật		2021-2025		9.698.494.000	9.698.494.000	100,00
2	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật		2021-2023	3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	7.664.409.000	197.067.440	2,57
D	Kinh phí bố trí cho các công trình được phê duyệt quyết toán						15.000.000.000	14.703.321.448	98,02
D.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố						12.341.815.690	12.054.427.682	97,67
1	Đường trục xã Hùng Cường – Lam Sơn (từ ông Thịnh phường Lam Sơn đến ĐH 378)						1.918.389.000	1.918.389.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
2	Xây dựng đường GTNT từ xã Hồng Nam đến xã Phương Chiêu (đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Việt)						31.174.061	31.174.061	100,00
3	Di chuyển đường ống cấp nước phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Hưng Hà và đường dẫn hai đầu cầu, thuộc tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình						12.164.207	12.164.199	100,00
4	Xây dựng khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà xã Tân Hưng Thành phố Hưng Yên						250.000.000	250.000.000	100,00
5	Xây dựng HTKT KDC mới phường Hiến Nam để đầu giá QSDĐ (vị trí số 1: giáp trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh; Vị trí số 2: Giáp trụ sở hạt giao thông và đội trật tự đô thị; hạng mục: San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật điện tại vị trí số 1 và hạ tầng vườn hoa tại vị trí số 2						105.211.788	105.211.788	100,00
6	Trường mầm non xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên						69.833.000	69.833.000	100,00
4	Xây dựng hệ thống thoát nước đường cạnh nhà máy mút xộp (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên và KDC phường An Tảo)						1.534.198.500	1.534.198.500	100,00
5	Cải tạo, nâng cấp đường cạnh nhà máy Mút xộp (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường bờ sông điện biên) và KDC phường An Tảo; Hạng mục: Nền, mặt đường						463.168.341	463.168.341	100,00
6	Xây dựng đường phía Tây đài phát thanh truyền hình tỉnh (giai đoạn II); Hạng mục: Bê tông nhựa mặt đường và rãnh thoát nước						341.986.837	341.986.837	100,00
7	Xây dựng Chợ Phố Hiến						252.041.000	219.705.000	87,17
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn cao, xã Bảo Khê (Nền mặt đường, thoát nước, ATGT và di chuyển điện)						318.490.275	318.490.275	100,00
9	Đường trục liên xã Hoàng Hanh - Hồng Nam - Tân Hưng. Hạng mục: Nền mặt đường, thoát nước và ATGT						3.331.176.800	3.076.124.800	92,34

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
10	Đường trục xã Hùng Cường (Đoạn từ nhà bà ông Hoàng thôn Phụng Hoàng đến nhà bà Thẩm thôn Cao Xá)						60.965.534	60.965.534	100,00
11	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành. Hạng mục: Nhà lớp học						1.300.000.000	1.300.000.000	100,00
12	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu phố Bùi Thị Xuân, Mạc Thị Bưởi, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên						40.843.000	40.843.000	100,00
13	Cải tạo, nâng cấp đường Đầm Sen B (đoạn từ đường Tô Hiệu đến địa phận xã Hồng Nam)						2.312.173.347	2.312.173.347	100,00
D.2	Hạt Giao thông thành phố						2.658.184.310	2.648.893.766	99,65
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)						2.658.184.310	2.648.893.766	99,65
E	Hỗ trợ UBND các phường, xã						42.000.000.000	38.200.235.964	90,95
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Xây dựng trường THCS xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên	Xã Phương Chiểu	6.160	m2	2020-2023	212/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	4.000.000.000	4.000.000.000	100,00
2	Trường THCS xã Phương Chiểu; Hạng mục: San nền, công tường rào	Xã Phương Chiểu	6.160	m2	2020-2022	473/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	3.000.000.000	2.200.235.974	73,34
3	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng các phòng học bộ môn trường THCS Quảng Châu	Xã Quảng Châu	6	phòng	2020-2022	Số 292/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
4	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Xây dựng 02 phòng học bộ môn, khu vệ sinh chung và phá dỡ các hạng mục công trình trường tiểu học và THCS Hồng Nam	Xã Hồng Nam	02	phòng	2021-2023	904/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
5	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến cuối vườn nhà ông Dân)	Xã Quảng Châu	1175	m	2020-2022	578/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
6	Hỗ trợ UBND xã Liên Phương để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn An Chiêu 1, xã Liên Phương, đoạn 1: Từ nhà ông Trí đến Chùa Hạ (giai đoạn 2), đoạn 2: Từ Chùa Hạ đến cổng Đình Cầu	Xã Liên Phương	1555	m	2021-2023	3532/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
7	Hỗ trợ UBND phường Lam Sơn để xây dựng công trình: Xây dựng khối phòng hành chính quản trị và các phòng học bộ môn trường THCS Lam Sơn	Phường Lam Sơn	1.320	m ²	2020-2022	Số 192A/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	2.000.000.000	1.999.999.990	100,00
8	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng trường mầm non xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Xã Trung Nghĩa	6	phòng	2020-2022	Số 722/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
9	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Xây dựng mới khu hiệu bộ (bao gồm cả nhà vệ sinh giáo viên) và 02 phòng chức năng và bếp ăn bán trú trường mầm non Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh	10 phòng		2020-2022	Số 3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019	3.000.000.000	0	0,00
10	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Đường giao thông từ nhà Ông Huân đến đường nối 2 đường cao tốc	xã Trung Nghĩa	1530	m	2020-2022	700/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
11	Hỗ trợ UBND xã Liên Phương để xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn xã Liên Phương (đoạn từ Cổng Trung Nghĩa đường Đồng Đông đến đường Ổ Gà)	xã Liên Phương	3013	m	2020-2022	233A/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
12	Hỗ trợ UBND phường Lê Lợi để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi	Phường Lê Lợi	735	m ²	2021-2023	1792/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
13	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nhà văn hóa trung tâm xã Hồng Nam	Xã Hồng Nam	835	m ²	2021-2023	Số 107A/QĐ-UBND, ngày 14/6/2021	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
14	Hỗ trợ UBND phường Hiến Nam để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng (18 phòng) trường THCS Hiến Nam	Phường Hiến Nam	18ph		2020-2022	Số 196/QĐ-UBND, ngày 26/10/2019	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
15	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường	Xã Phú Cường	1158m ² và phụ trợ		2021-2025	Số 210/QĐ-UBND, ngày 28/9/2021	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
16	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng mới 4 phòng chức năng và nhà bếp ăn bán trú trường tiểu học Quảng Châu	Xã Quảng Châu	4 phòng	2021-2025	Số 680/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
17	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Xây dựng mới 03 phòng chức năng; 04 phòng học trường tiểu học Bảo Khê	Xã Bảo Khê	7ph	2021-2025	Số 307/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
18	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Xây dựng phòng tổ bộ môn, phòng học chức năng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị trường tiểu học Hùng Cường	Xã Hùng Cường	560 m2	2021-2025	Số 423/QĐ-UBND ngày 14/11/2020	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
19	Hỗ trợ UBND phường Hiến Nam để xây dựng công trình: Trường mầm non Hiến Nam (điểm trường An Đông)	Phường Hiến Nam	828 m2	2021-2022	Số 450/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
G	Từ nguồn Kết dư					83.967.334.324	78.892.243.414	93,96
G.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố					40.800.000.000	36.319.812.080	89,02
1	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	7.764 m2	2019-2022	2465/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000.000.000	467.012.180	23,35
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ vòng xuyên ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật					5.000.000.000	5.000.000.000	100,00
3	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư					2.000.000.000	1.903.000.000	95,15
4	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL.38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên					1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
5	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, sân chơi và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và THCS Hoàng Hanh					2.500.000.000	2.240.000.000	89,60
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trung Trắc, Trung Nhị, Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hưng Yên					400.000.000	320.000.000	80,00
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên					800.000.000	800.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
8	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa					7.000.000.000	7.000.000.000	100,00
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sĩ tỉnh Hưng Yên					3.500.000.000	3.500.000.000	100,00
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hanh)					7.000.000.000	6.720.000.000	96,00
11	Cải tạo vỉa hè QL 38B đoạn từ cầu Chợ Dầu đến hết địa phận thành phố					1.000.000.000	952.799.900	95,28
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu					500.000.000	500.000.000	100,00
13	Đóng cửa Ô chôn lấp rác số 1 - Khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên					1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
14	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục					2.100.000.000	0	0,00
15	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Nguyễn Thiện Thuật, Trưng Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên					5.000.000.000	4.917.000.000	98,34
G.2	Hạ tầng giao thông thành phố					14.721.229.870	14.705.094.870	99,89
16	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2023	3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	699.695.000	699.695.000	100,00
17	XD KDC mới phường Lam Sơn (khu đô thị Tân Phố Hiến) - giai đoạn I	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2025		827.060.000	827.060.000	100,00
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)					3.194.474.870	3.194.474.870	100,00
19	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông xã Hùng Cường (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng thôn Phương Hoàng đến đê bồi; Đoạn 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Quyền thôn Phương Hoàng)					4.000.000.000	4.000.000.000	100,00
19	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu (đoạn từ dốc Vị đến chợ Vị cũ)					3.000.000.000	2.983.865.000	99,46
21	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe					3.000.000.000	3.000.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
G.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố					2.256.862.273	2.253.498.953	99,85
22	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên					2.256.862.273	2.253.498.953	99,85
G.4	Phòng Quản lý đô thị thành phố					2.060.884.498	2.035.997.478	98,79
23	Xây dựng trường THCS Nguyễn Quốc Ân					2.060.884.498	2.035.997.478	98,79
G.5	Cơ quan Thành ủy Hưng Yên					30.000.000	29.999.859	100,00
24	Trụ sở làm việc Thành ủy, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố Hưng Yên					30.000.000	29.999.859	100,00
G.6	Ban QLDA Sở NN&PTNT tỉnh					168.522.683	168.522.683	100,00
25	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên					168.522.683	168.522.683	100,00
G.7	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố					4.500.000.000	4.500.000.000	100,00
26	Cải tạo, nâng cấp sông Tân An					3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
27	Kiên cố hóa tuyến kênh ông Diên - Trạm bơm Hồng Nam					1.500.000.000	1.500.000.000	100,00
G.8	UBND phường Lê Lợi					3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
28	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi					3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
G.9	UBND xã Bảo Khê					2.919.835.000	2.919.835.000	100,00
29	Xây dựng mới 03 phòng chức năng; 04 phòng học trường tiểu học Bảo Khê					1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
30	Nhà văn hóa xã Bảo Khê					1.919.835.000	1.919.835.000	100,00
G.10	UBND xã Trung Nghĩa					1.500.000.000	1.500.000.000	100,00
31	Đường giao thông từ nhà Ông Huân đến đường nối 2 đường cao tốc					1.500.000.000	1.500.000.000	100,00
G.11	UBND xã Liên Phương					4.500.000.000	4.222.725.491	93,84
32	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn An Chiêu 1, xã Liên Phương, đoạn 1: Từ nhà ông Trí đến Chùa Hạ (giai đoạn 2), đoạn 2: Từ Chùa Hạ đến công Đình Cầu					3.500.000.000	3.222.725.491	92,08
33	Đường giao thông nông thôn xã Liên Phương (đoạn từ Cổng Trung Nghĩa đường Đồng Đông đến đường Ổ Gà)					1.000.000.000	1.000.000.000	100,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
G.12	UBND xã Phú Cường						2.510.000.000	2.510.000.000	100,00
34	Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường						2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
35	Nhà lớp học và các phòng chức năng 3 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phú Cường						510.000.000	510.000.000	100,00
G.13	UBND xã Quảng Châu						1.000.000.000	726.757.000	72,68
36	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến cuối vườn nhà ông Dân)						1.000.000.000	726.757.000	72,68
G.14	UBND phường Hiến Nam						3.000.000.000	3.000.000.000	100,00
37	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng (18 phòng) trường THCS Hiến Nam						2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
38	Trường mầm non Hiến Nam (điểm trường An Đông)						1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
G.15	UBND xã Hồng Nam						1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
39	Nhà văn hóa trung tâm xã Hồng Nam						1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
H	Nguồn tài trợ						4.611.347.600	4.611.347.600	100,00
	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố						4.611.347.600	4.611.347.600	100,00
1	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành; hạng mục: Nhà học đa năng	TPHY	818	m2	2021-2023	2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	4.000.000.000	4.000.000.000	100,00
2	DA: Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/200 công viên Hồ An Vũ (hồ 2, 3), thành phố Hưng Yên	TPHY					611.347.600	611.347.600	100,00
I	Chi thường xuyên						2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố						2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
1	Điều chỉnh chung quy hoạch thành phố Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2035						2.000.000.000	2.000.000.000	100,00
K	Nguồn vốn được kéo dài						2.185.990.000	1.905.336.500	87,16
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên						1.304.577.000	1.304.577.000	100,00
2	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chuông, thành phố Hưng Yên						480.000.000	359.830.000	74,96

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
3	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB đường trục phía Bắc khu đô thị Đại học Phố Hiến						401.413.000	240.929.500	60,02
L	Tạm ứng XDCB năm trước chuyển sang						51.399.770.209	40.688.016.541	79,16
1	Cải tạo, Nâng cấp đường Triệu Quang Phục, Thành Phố Hưng Yên						25.352.738.000	15.754.289.216	62,14
2	Xây dựng cầu Hưng Hà và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà nội - Hải phòng và đường cao tốc Cầu giẽ - Ninh Bình đoạn qua địa bàn thành phố Hưng Yên						32.770.814	787.858	2,40
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục trung tâm Phường Lam Sơn, TP Hưng Yên						315.649.548	0	0,00
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục trung tâm Phường Lam Sơn, TP Hưng Yên						82.290.727	331.149.547	402,41
5	Đường chùa diêu Giai đoạn II (Đoạn từ Nguyễn Văn Linh - Sông Điện Biên)						1.341.000	1.341.000	100,00
6	Cải tạo hệ thống Điện chiếu Sáng Đường Lê Văn Lương (QL38B) và xã Trung nghĩa thành phố Hưng Yên						300.000.000	300.000.000	100,00
7	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)						250.000.000	250.000.000	100,00
8	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (Đoạn từ đường ĐH 72 đến ĐT 378 thành phố Hưng Yên)						5.372.520	5.372.520	100,00
9	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trung Trắc, Trung Nhị, Nguyễn Thiện thuật thành phố Hưng Yên						518.000.000	518.000.000	100,00
10	Hoàn thiện hạ tầng KDC Bắc Tô Hiệu; HM: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong KDC thành phố Hưng Yên						70.000.000	70.000.000	100,00
11	Đóng cửa Ô chôn lấp rác số 1 - Khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng						1.900.000.000	1.900.000.000	100,00
12	Cải tạo vỉa hè QL 38B đoạn từ cầu Chợ Đầu đến địa phận thành phố						3.784.799.900	3.635.000.000	96,04
13	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân 266 thành phố Hưng Yên						95.000.000	95.000.000	100,00
14	Cải tạo, nâng cấp đường phía tây sông điện biên (Đoạn từ Cầu An Tảo - Chùa Diêu)						130.000.000	0	0,00

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán	Dự toán năm 2022	Quyết toán năm 2022	So sánh (%)
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TDC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu						130.000.000	130.000.000	100,00
16	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND Xã Tân Hưng						50.000.000	50.000.000	100,00
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm Liệt Sỹ Tỉnh Hưng Yên						207.000.000	207.000.000	100,00
18	Cải tạo vòng xuyên Chợ Gạo thành phố Hưng Yên						132.076.400	132.076.400	100,00
19	Cải tạo vòng xuyên Ngân hàng Công Thương						104.000.000	104.000.000	100,00
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GT xã Quảng Châu (đoạn từ Dương Hữu Miên nhà Ông Tâm thôn 3 đến nhà Ông Mai Thôn 5 giáp Xã Hoàng Hanh						322.000.000	300.000.000	93,17
21	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè HTHT đường Đoạn từ vòng xuyên Ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật thành phố Hưng Yên						4.718.500.000	4.700.000.000	99,61
22	Đường GT phường Lam Sơn, TP Hưng Yên (Đoạn từ Mai Hắc Đế - Trần Nguyên Hãn)						2.781.181.300	2.600.000.000	93,49
23	Cải tạo khuôn viên Nhà Lưu niệm bác Hồ thành phố Hưng Yên						1.860.000.000	1.860.000.000	100,00
24	Cải tạo, nâng cấp đường GT xã Hồng Nam (đoạn từ quỹ tín dụng xã Hồng Nam - đường trục xã Phương Chiểu						2.616.000.000	2.500.000.000	95,57
25	Bờ bao Kênh xả tiêu Trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên						125.050.000	0	0,00
26	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu (Đoạn từ đóc vị đến chợ vị cũ)						1.000.000.000	1.000.000.000	100,00
27	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tất Thành; HM: Nhà Lóp Học						150.000.000	150.000.000	100,00
28	Trường Mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên						94.000.000	94.000.000	100,00
29	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trung Trắc, trung nhị, Nguyễn Thiện thuật thành phố Hưng Yên						122.000.000	0	0,00
30	Khu vui chơi giải trí Công Viên Nam Hòa						4.150.000.000	4.000.000.000	96,39